TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-12-2023
V/V: "Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Vui

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Cang

Ông Trần Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu ly hôn" .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Cao Đại H, sinh năm 1974; Quốc tịch: Việt Nam. Địa chỉ: Số 14717A M, C, C, Hoa Kỳ. Chỗ ở hiện nay: Số 3200 B, G, Hoa Kỳ (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2023 và bản tự khai đề ngày 05/10/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Cao Đại H trình bày:

Ông Nguyễn Cao Đại H và bà Trần Thị Thu H1 quen biết nhau vào năm 2019, sau một thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên hai người tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 11/7/2019. Sau khi kết hôn, ông H và bà H1 chung sống với nhau tại nhà ba mẹ ruột của ông H tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được khoảng 02 tuần thì ông H quay về lại Hoa Kỳ.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng yêu thương nhau và thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau nữa. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên không thể hàn gắn nhau được. Vì khoảng cách địa lý mỗi người mỗi nơi nên cả hai không thể cùng nhau để giải quyết các mâu thuẫn, do vậy cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt.

Nay ông H nhận thấy không còn tình cảm với bà H1, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Trần Thị Thu H1 trình bày:

Năm 2014, thông qua anh trai của ông H giới thiệu nên bà H1 và ông H quen biết nhau. Sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, hai bên nảy sinh tình cảm và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015; đến ngày 11/7/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53. Từ năm 2015 đến cuối năm 2018, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của mẹ ruột ông H tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cuối năm 2018, ông H được mẹ ruột bảo lãnh sang định cư tại Hoa Kỳ và đến khoảng giữa năm 2019 thì ông H về lại Việt Nam để làm thủ tục đăng ký kết hôn với bà H1. Sau khi đăng ký kết hôn, ông H ở Việt Nam được khoảng 01 tháng thì về Hoa Kỳ để sinh sống và làm việc, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Tháng 04/2022 ông H về Việt Nam để chữa bệnh và ở lại Việt Nam được khoảng 5 tháng thì quay lại Hoa Kỳ nhưng kể từ đó đến nay ông H đã cắt đứt mọi liên lạc với bà H1. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng không phát sinh mâu thuẫn gì với nhau. Nay, xét thấy bản thân vẫn còn tình cảm với ông H nên bà H1 không đồng ý ly hôn với ông H. Mặc khác, tháng 04/2022 ông H về Việt Nam có mượn của mẹ bà Hằng số tiền 300.000.000 đồng và 4.000 USD nên khi nào ông H trả hết số tiền này cho mẹ bà H1 thì bà H1 sẽ đồng ý ly hôn với ông H. Bà H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H đã mượn số tiền này từ mẹ mình.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án*:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Cao Đại H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Cao Đại H là công dân Việt Nam hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị Thu H1 là công dân Việt Nam, hiện đang cư trú tại khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đơn khởi kiện của ông Nguyễn Cao Đại H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Cao Đại H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/10/2023.

Căn cứ Điều 238 và điểm b khoản 3 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Cao Đại H.

[1.3] Về phương thức cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng:

- Đối với bà H1 đang cư trú tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên được Tòa án tống đạt trực tiếp.

- Đối với ông H có giấy ủy quyền đề ngày 05/10/2023 theo Văn bản công chứng số 5268, quyển số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ủy quyền cho ông Phùng Nguyễn L, sinh năm 1976, địa chỉ tại Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giao nhận tài liệu chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Do đó, Tòa án áp dụng điểm e khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho ông H thông qua người được ủy quyền.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Nhận thấy, ông Nguyễn Cao Đại H và bà Trần Thị Thu H1 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 11/7/2019, nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông H, thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thường xuyên liên lạc qua điện thoại và yêu thương nhau. Đến tháng 4/2022, sau khi về Việt Nam quay lại Hoa Kỳ sinh sống và làm ăn thì phát sinh mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng, bất đồng vợ chồng nhưng do khoảng cách địa lý nên ông bà không thể trực tiếp giải quyết mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Ông H xác nhận bản thân cũng không còn tình cảm với bà H1 nữa.

Về phía bà H1 cho rằng vẫn còn tình cảm với ông H nên không đồng ý ly hôn với ông H, tuy nhiên bà cũng thừa nhận rằng từ năm 2022 sau khi quay lại Hoa Kỳ thì ông H đã cắt đứt liên lạc với bà, chặn số điện thoại nên bà không thể liên hệ với ông H được.

Xét thấy, mục đích của việc kết hôn là để đem lại hạnh phúc cho cả vợ và chồng. Tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà H1 đã rạn nứt, nhưng do khoảng cách địa lý nên ông bà không thể trực tiếp giải quyết mâu thuẫn, ông H đã chặn liên lạc với bà H1, thể hiện tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ đó, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà ông Nguyễn Cao Đại H và bà Trần Thị Thu H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ là không có.

Đồng thời, bà H1 còn cho rằng tháng 04/2022 ông H về Việt Nam có mượn của mẹ bà số tiền 300.000.000 đồng và 4.000 USD nên khi nào ông H trả hết số tiền này cho mẹ bà thì bà sẽ đồng ý ly hôn với ông H. Điều này chứng tỏ rằng bà H1 không đồng ý lý hôn với ông H không phải vì còn tình cảm với ông H, cũng không phải vì mục đích để cùng ông H xây dựng một gia đình hạnh phúc mà lý do bà đưa ra chỉ nhằm mục đích kéo dài tình trạng hôn nhân đã rạn nứt của bà và ông H.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, đơn khởi kiện của ông H xin ly hôn bà H1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Ông Nguyễn Cao Đại H và bà Trần Thị Thu H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Vấn đề khác:

Vào ngày 10/11/2023, tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, bà H1 khai rằng vào tháng 04/2022 ông H có mượn của mẹ bà là bà Vũ Thị N, sinh năm 1948, tại khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 300.000.000 đồng và 4.000 USD. Tòa án đã yêu cầu bà H1 thông báo cho bà N làm đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu ông H trả lại tiền nhưng ngày 30/11/2023, bà H1 khai là do bà N không đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã cho ông H mượn tiền, bà N tuổi đã cao nên không tiện đi lại và bà cũng không ủy quyền để tham gia tố tụng. Do vậy, sau này bà N có yêu cầu thì sẽ khởi kiện ông H bằng 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Do ông H là nguyên đơn xin ly hôn nên ông phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 37, 147, 153, 227, 474, 477, 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 123, 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cao Đại H về việc "Ly hôn" với bà Trần Thị Thu H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Cao Đại H được ly hôn bà Trần Thị Thu H1;

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Cao Đại H và bà Trần Thị Thu H1 xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Cao Đại H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006250 ngày 29/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thu H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/12/2023). Ông Nguyễn Cao Đại H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho người được ủy quyền hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- UBND thị xã P;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa HNGĐ.

Trần Văn Vui